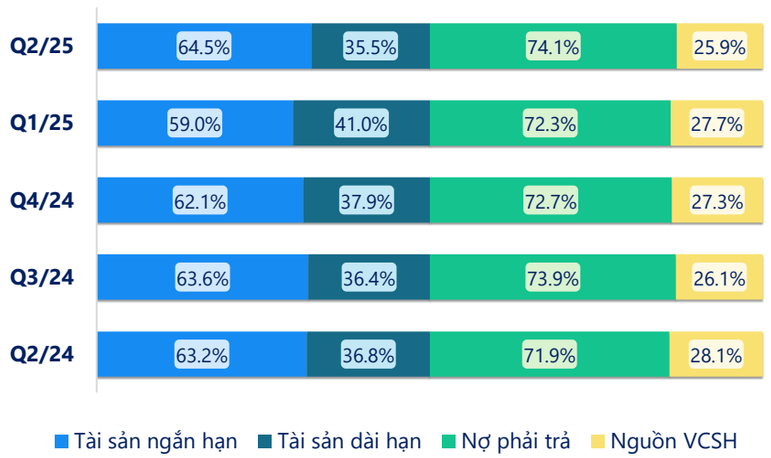
FireAnt

Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (UPCOM: CC1)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	25,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,717
SL cổ phiếu LH	397,568,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)	255,960
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,939
P/E	41.3
EPS	605

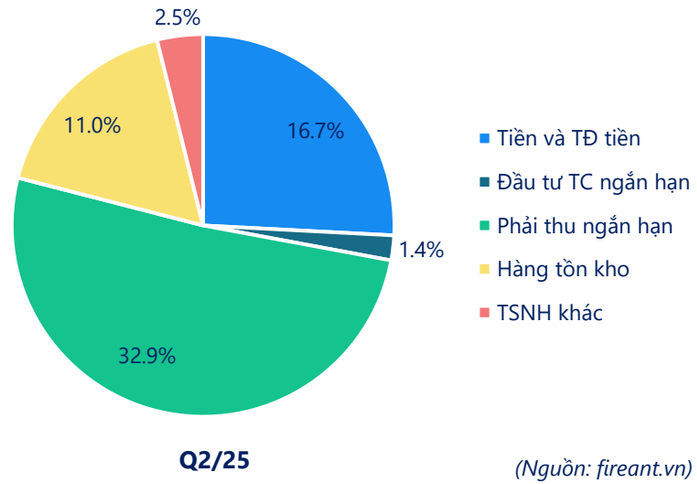
	YTD	1T	3T	6T
CC1	73.4%	18.0%	63.2%	73.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



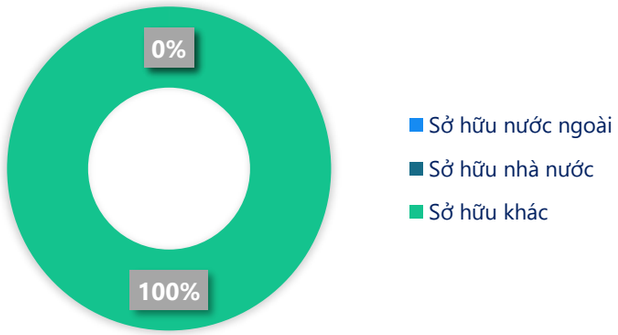
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



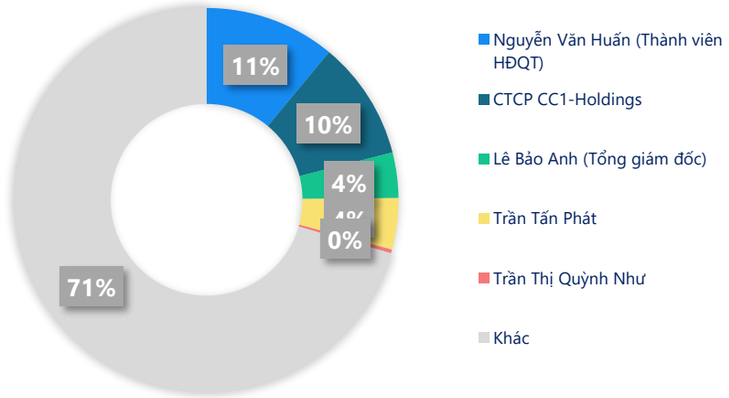
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



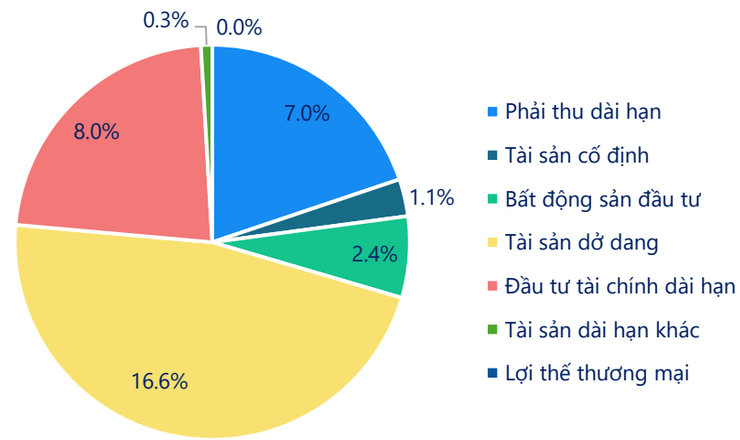
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

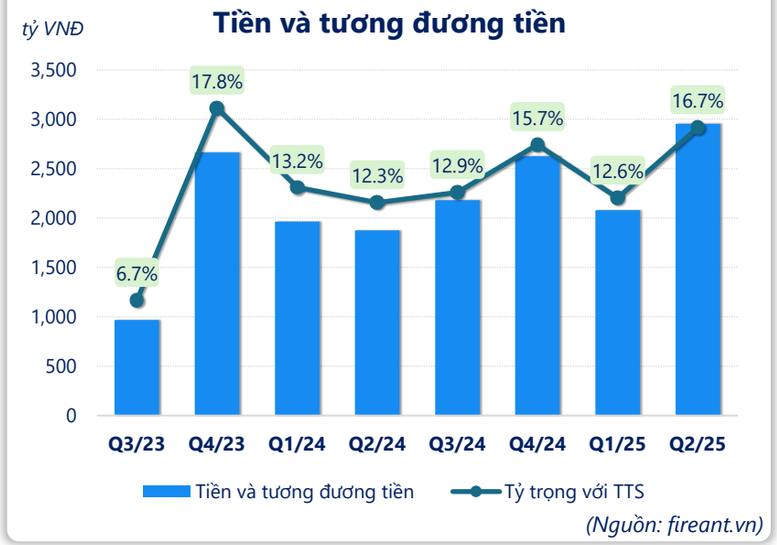


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

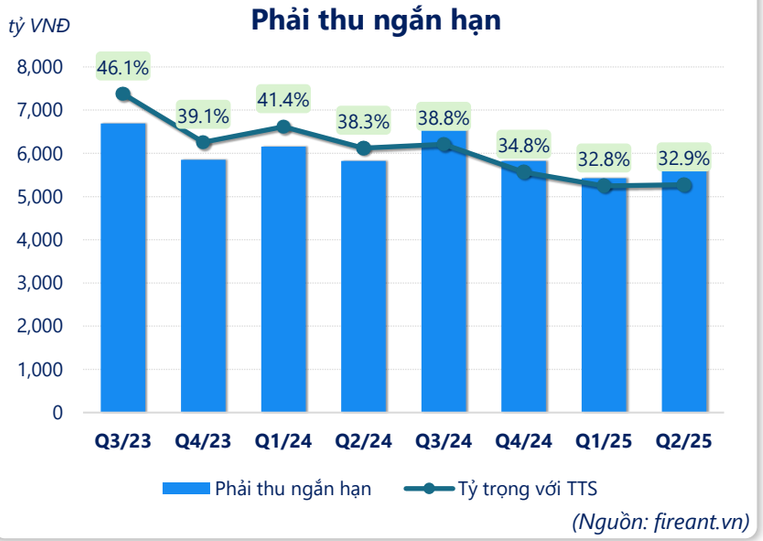
Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (UPCOM: CC1)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



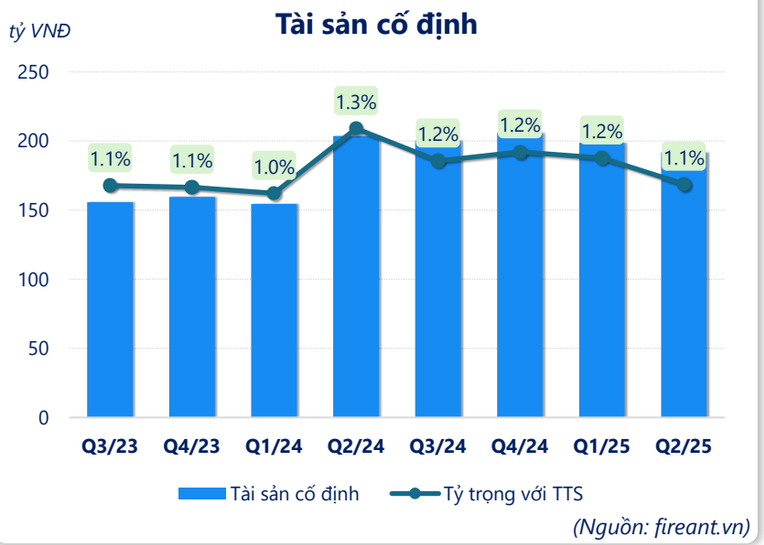
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



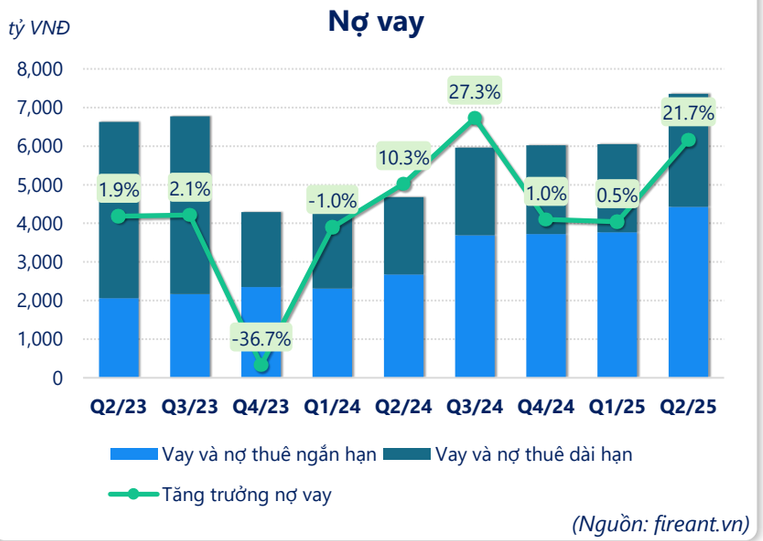
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



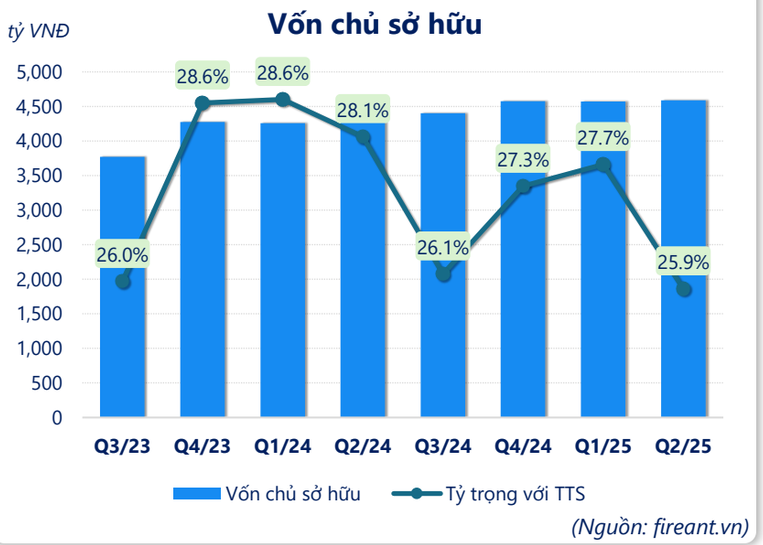
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



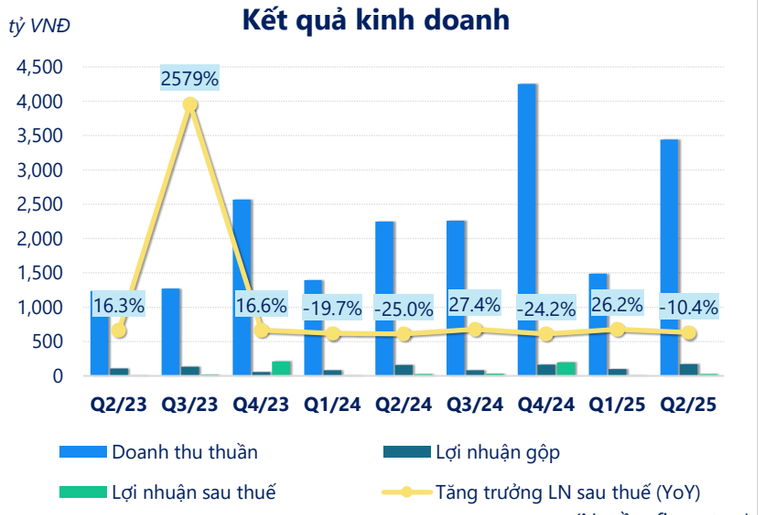
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

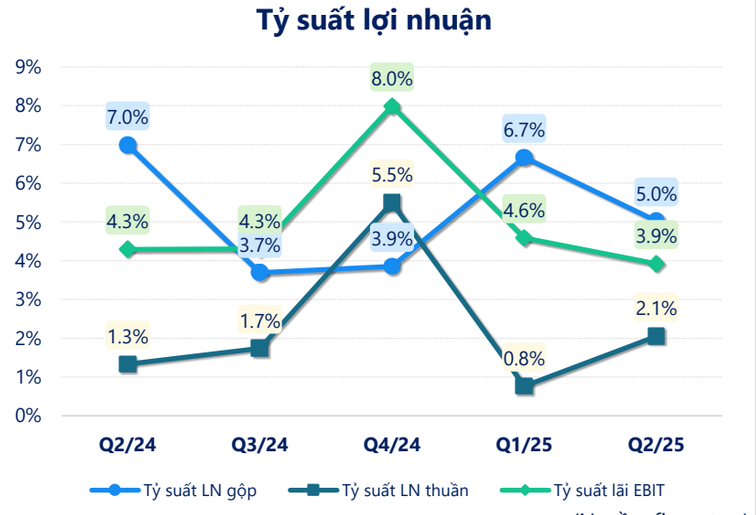
Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (UPCOM: CC1)

Kết quả kinh doanh



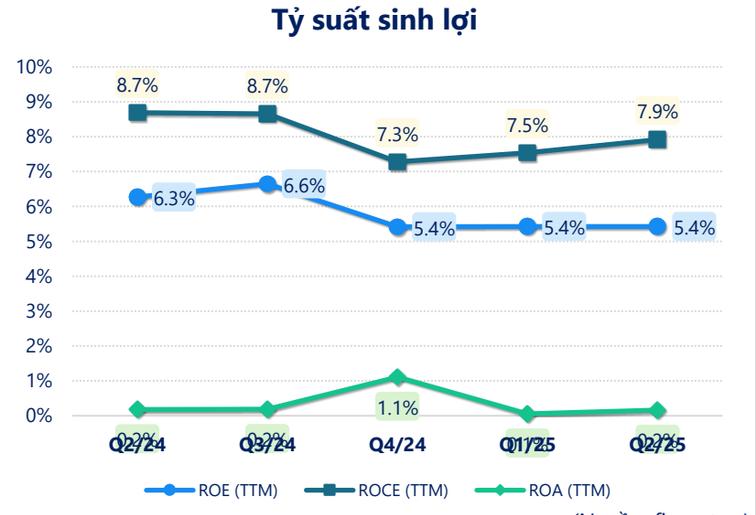
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



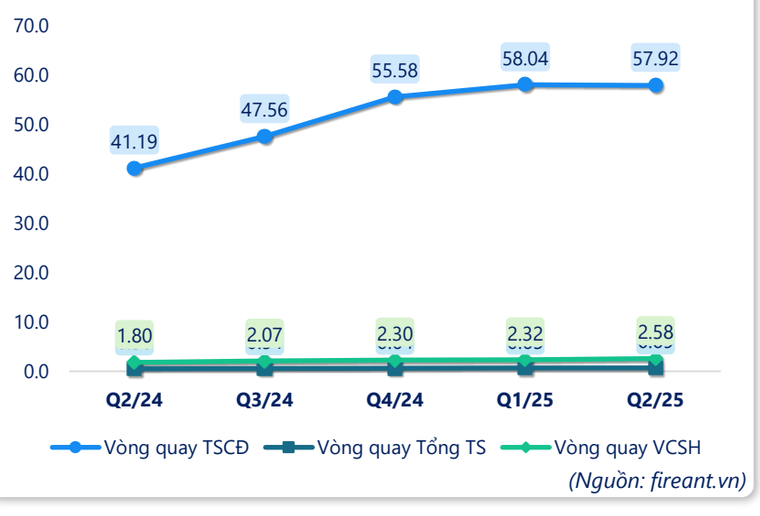
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



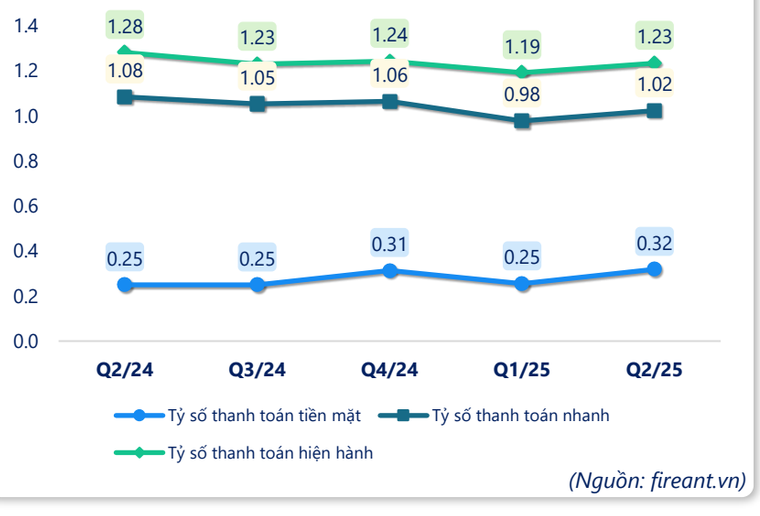
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



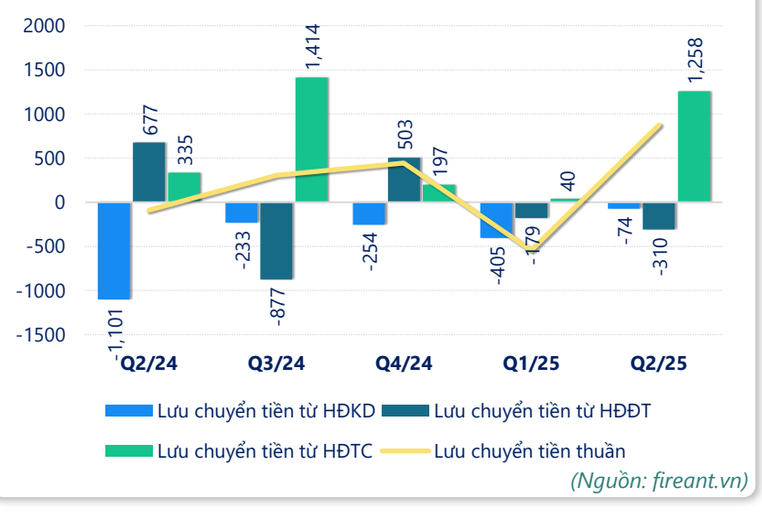
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (UPCOM: CC1)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**17,737**	**16,728**	**6.0%**
Tài sản ngắn hạn	11,439	10,382	10.2%
Tiền và tương đương tiền	2,955	2,625	12.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	240	91.1	163%
Phải thu ngắn hạn	5,844	5,800	0.8%
Hàng tồn kho	1,957	1,495	30.9%
Tài sản ngắn hạn khác	443	372	19.1%
Tài sản dài hạn	**6,298**	**6,346**	**-0.8%**
Phải thu dài hạn	1,249	2,041	-38.8%
Tài sản cố định	192	206	-7.0%
Bất động sản đầu tư	420	431	-2.7%
Tài sản dở dang	2,952	2,853	3.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,427	754	89.1%
Tài sản dài hạn khác	**58.5**	**59.8**	**-2.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	13,149	12,164	8.1%
Nợ ngắn hạn	**9,274**	**8,370**	**10.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,425	3,722	18.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,328	1,712	-22.4%
Nợ dài hạn	3,876	3,793	2.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,932	2,298	27.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,587**	**4,564**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**4,587**	**4,564**	**0.5%**
Vốn điều lệ	3,979	3,585	11.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	2,249	2,260	4,253	1,488	3,443
Giá vốn hàng bán	2,092	2,177	4,089	1,389	3,271
Lợi nhuận gộp	157	83.5	164	99.2	173
Doanh thu HĐTC	34.4	81.1	223	21.1	86.7
Chi phí TC	122	64.6	100.0	59.6	139
Chi phí lãi vay	66.0	59.9	94.3	56.2	100
LN trong công ty LKLD	10.5	-1.45	0.12	0.65	1.65
Chi phí bán hàng	2.63	1.71	2.72	3.51	0.66
Chi phí QLDN	47.2	57.4	50.2	46.4	51.2
LN thuần từ HĐKD	29.9	39.3	234	11.4	70.7
Lợi nhuận khác	0.65	-1.83	11.6	0.72	-35.7
LN trước thuế	30.6	37.5	245	12.1	34.9
Lợi nhuận sau thuế	25.8	29.3	195	9.28	28.2
LNST của CĐ cty mẹ	26.2	29.0	176	8.82	27.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,101	-233	-254	-405	-74.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	677	-877	503	-179	-310
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	335	1,414	197	40.1	1,258
Tiền đầu kỳ	1,964	1,875	2,180	2,625	2,081
Lưu chuyển tiền thuần	**-88.9**	**305**	**445**	**-544**	**874**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.02	0.00	0.19
Tiền cuối kỳ	1,875	2,180	2,625	2,081	2,955

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic